

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2021/DS-ST

Ngày 15-9-2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bắc và bà Doãn Thị Lệ.

-Thư ký phiên tòa:

Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị K; nơi cư trú: Số nhà 950/05/01, đường P, tổ 7, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Th; nơi cư trú: Số nhà 38/22, đường L, tổ 3, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2021, và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của vụ án, nguyên đơn là bà Hoàng Thị K trình bày: Ngày 19/02/2019, bà Nguyễn Thị Th đến nhà bà K, mượn của bà K số tiền là: 20.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 25/5/2019. Sau đó, vào ngày 13/12/2019, bà Th đến nhà bà K, tiếp tục mượn của bà K số tiền là: 35.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 13/01/2020; tổng số tiền cả hai lần mượn là: 55.000.000 đồng. Nhưng kể từ ngày mượn tiền đến nay, bà Th không chịu trả số tiền trên cho bà K như đã hẹn.

Bà K làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th phải trả cho bà K số tiền còn nợ là: 55.000.000 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Th, nhưng bà Th không đến Tòa án và cũng không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà K.

Tại phiên tòa, bà K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả số tiền 55.000.000 đồng cho bà K.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Quan hệ pháp luật có tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku; Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng và việc thu thập chứng cứ, cấp và tổng đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Th, nhưng bà Th không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ vào các Điều: 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Bị đơn là bà Th có địa chỉ cư trú tại thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, theo lãnh thổ và cấp xét xử, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ tiền theo “*Giấy mượn tiền*”, nhưng thực tế là nguyên đơn đã giao tài sản là tiền cho bị đơn để thực hiện quyền định đoạt về tài sản đó nên quan hệ pháp luật có tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[4] Chứng cứ gốc do nguyên đơn nộp cho Tòa án, là 03 tờ giấy mượn tiền, cụ thể: “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 19/2/2019 có ghi số tiền bà Th mượn của bà K là: 20.000.000 đồng(chữ số 20 và chữ viết hai mươi bị sửa và viết đè lên), thời hạn trả vào ngày 25/5/2019, không có lãi.

“*Giấy mượn tiền*” đề ngày 13/12/2019 có ghi số tiền bà Th vay của bà K là: 30.000.000 đồng(chữ số 30, 13 và chữ viết triệu đồng bị sửa và viết đè lên), thời hạn trả vào ngày 13/01/2020, không có lãi.

“Giấy mượn tiền” đề ngày 13/3/2020 có ghi số tiền bà Th mượn của bà K là: 5.000.000 đồng(chữ số 13 bị sửa và viết đề lên), hạn 1 tháng trả, không có lãi. Tổng cộng số tiền bà Th vay của bà K là: 55.000.000 đồng.

Vì vậy, hợp đồng vay tài sản nêu trên là hợp đồng có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

[5] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của pháp luật cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Th nhưng bà Th không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc có chấp nhận hoặc phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả xác minh của Tòa án, tại địa phương nơi bà Th cư trú là tổ 3, phường Y, thành phố P, vào ngày 24 tháng 3 năm 2021, biết được: *Bà Nguyễn Thị Th có đăng ký hộ khẩu và có mặt thường xuyên tại số nhà 38/22 đường Lữ Gia, tổ 3(cũ là tổ 5), phường Y, thành phố P.* Như vậy, việc Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng của vụ án cho bà Th, là đúng quy định của pháp luật. Theo đó, bà Th đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình; không phản đối yêu cầu của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Như vậy, mặc nhiên bị đơn đã biết việc nguyên đơn khởi kiện mà không phản đối.

[6] Việc nguyên đơn viết đề nhằm mục đích sửa thời gian mượn tiền, sửa số tiền mượn. Qua xem xét bằng trực quan, Hội đồng xét xử thấy rằng việc nguyên đơn viết đề lên chữ số thời gian và sửa số tiền từ số 35 thành số 20 là sửa từ số lớn xuống số nhỏ hơn không có ý thức gian dối chiếm đoạt tài sản và cũng không làm bất lợi cho bị đơn. Do đó không cần thiết phải trưng cầu giám định chữ viết đối với chứng cứ gốc do nguyên đơn cung cấp.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên đã đủ căn cứ khẳng định hiện nay bà Nguyễn Thị Th còn nợ bà Hoàng Thị K số tiền gốc là: 55.000.000 đồng, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền theo Hợp đồng vay tài sản đã ký. Khi đến hạn trả nợ, bà K đã nhiều lần yêu cầu bà Th trả nợ tiền nhưng đến nay chưa trả đồng nào nên bà K được quyền làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án buộc bà Th phải trả nợ số tiền gốc theo hợp đồng vay tài sản như đã nêu trên, theo quy định tại Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận.

[7] Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất nên không xét đến.

[8] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 227, 228, 144, 147, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

-Áp dụng các Điều: 275, 278, 280, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hoàng Thị K.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả số tiền: 55.000.000 (bằng chữ: Năm mươi lăm triệu) đồng cho bà Hoàng Thị K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Th phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 2.750.000 (bằng chữ: Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Bà Hoàng Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà K số tiền: 1.380.000 (bằng chữ: Một triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số: 0012283 ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

4. Bà Hoàng Thị K được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (15-9-2021). Bà Nguyễn Thị Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7,7a và 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thương